TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST;
Ngày: 02/10/2019;
V/v: "*Xin ly hôn* ";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Anh Nga.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Thế Chính.
2. Ông Trần Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Hải – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm*:** Bà Nguyễn Thị Bích Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 318/2019/TLST - HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/QĐXXST – HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2019/QĐST-DS, ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức D, sinh năm 1975 (Có mặt).
- *Bị đơn:* Bà Đào Thị Thanh H, sinh năm 1975 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khu phố 2, phường Đô V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện ngày 13/5/2019 và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Đức D trình bày:** Ông và bà Đào Thị Thanh H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và do yêu thương nhau thật lòng, hai bên có đăng ký kết hôn, được UBND phường Đô V, TP. Phan Rang – Tháp Chàm cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số: 01/1999, ngày 25/9/1999.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống tại Khu phố 2, phường Đô V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng ông chung sống có hạnh phúc, nhưng đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do bà H ham mê cờ bạc, số đề, sóc dĩa dẫn đến thiếu nợ nhiều nơi, vì gia đình và con cái ông có khuyên can,

bản thân đứng ra trả nợ cho bà H nhiều lần, còn lại một số vốn ít ỏi để nuôi con, nhưng bà H vẫn không từ bỏ cờ bạc lại dẫn đến nợ nần, bà tự ý bán tài sản của vợ chồng mà không hỏi ý kiến của ông, sau khi vợ chồng xảy ra cãi vả thì bà bỏ nhà vào thành phố HCM từ năm 2016 cho đến nay, chỉ thỉnh thoảng bà về thăm các con rồi lại đi, chứ vợ chồng không gặp mặt để trao đổi bất kỳ vấn đề gì, cũng như không ai quan tâm đến ai, vợ chồng ông mạnh ai nấy sống, không liên lạc nhau và không ai có ý muốn trở về chung sống đoàn tụ. Vì tình cảm vợ chồng không còn, nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà Đào Thị Thanh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Đức T, sinh năm 1999 (đã trên 18 tuổi không yêu cầu giải quyết), Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày: 23/11/2003. Nếu ly hôn bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thanh Tr, không yêu cầu ông cấp dưỡng thì ông đồng ý.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Đào Thị Thanh H trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức D chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và do yêu thương nhau thật lòng, hai bên có đăng ký kết hôn, được UBND phường Đô V, TP. Phan Rang – Tháp Chàm cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số: 01/1999, ngày 25/9/1999.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống tại Khu phố 2, phường Đô V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Vợ chồng bà chung sống có hạnh phúc một thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hiện bà bỏ nhà vào thành phố HCM từ năm 2016 làm ăn sinh sống cho đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng bà yêu cầu chia tài sản xong rồi bà mới ký đồng ý ly hôn, đó là căn nhà từ đường ông D được cha và các chị ông D tặng cho ông D để ở thờ cúng. Bà H yêu cầu ông D để lại cho con chung Nguyễn Đức T ở, chứ ông D không được dẫn người khác về ở tại căn nhà từ đường.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Đức T, sinh năm 1999 (đã trên 18 tuổi không yêu cầu giải quyết), Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày: 23/11/2003. Nếu ly hôn bà yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thanh Tr, không yêu cầu ông D cấp dưỡng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến:

1/- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán , Hội đồng xét xử và thư ký:

Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

- Đối với Nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình; có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành các quyết định của Tòa án trong thời gian giải quyết vụ án; tôn trọng Tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa. Đối với bị đơn không chấp hành các giấy báo đến tòa, chỉ

có mặt tại phiên hòa giải ngày 07/8/2019. Tại các phiên tòa bà H tiếp tục vắng mặt. Theo điểm b khoản 2 điều 227 BLTTDS Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vắng mặt bà H là có căn cứ.

3/- Ý kiến về việc giải quyết vụ án

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang – Tháp Chàm: Căn cứ Điều 55, 56, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D. Công nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con chung, bà Đào Thị Thanh H được nuôi con chung tên Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày: 23/11/2003.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Xét về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn Đức D và bà Đào Thị Thanh H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện và do yêu thương nhau thật lòng, hai bên có đăng ký kết hôn, được UBND phường Đô V, TP. Phan Rang – Tháp Chàm cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94, quyển số: 01/1999, ngày 25/9/1999. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Đức D vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Đào Thị Thanh H; Ông D đồng ý giao cho bà Đào Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày: 23/11/2003.

Xét thấy: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa ông D và bà H: Từ năm 2015 thì bà H ham mê cờ bạc, số đề, sóc dĩa dẫn đến thiếu nợ nhiều nơi, bản thân ông D có khuyên can và trả nợ cho bà H nhiều lần, nhưng bà H vẫn không từ bỏ cờ bạc lại dẫn đến nợ nần, bà H tự ý bán tài sản của vợ chồng mà không hỏi ý kiến của ông D, sau khi vợ chồng xảy ra cãi vả thì bà H bỏ nhà vào thành phố HCM sinh sống từ năm 2016 cho đến nay. Từ khi sống ly thân thì không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống, không liên lạc nhau và không ai có ý muốn trở về chung sống đoàn tụ.

Tại phiên hòa giải bà H cũng thừa nhận, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, hiện bà bỏ nhà vào thành phố HCM nhiều năm làm ăn sinh sống cho đến nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng bà H chỉ đồng ý ly hôn sau khi ông D chia tài sản. Điều đó chứng tỏ rằng bà H không đồng ý ly hôn với ông D không xuất phát từ việc mong muốn duy trì đời sống hôn nhân để có điều kiện hàn gắn cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mà xuất phát từ động cơ dành chia tài sản cho con.

Phù hợp với biên bản xác minh ngày Ban quản lý khu phố xác nhận lời trình bày về mâu thuẫn vợ chồng của ông D là đúng, bà H bỏ nhà vào TP. HCM sinh sống từ 2 năm nay, thỉnh thoảng mới về địa phương.

Phù hợp với lời trình bày của con chung Nguyễn Thị Thanh Tr: Ba con xin ly hôn với mẹ con là đúng vì giữa ba và mẹ đã có nhiều mâu thuẫn, thường xảy ra cãi vã, mẹ con đã bỏ vào TP. HCM làm ăn sinh sống từ tháng 6/2018.

Chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông D đã phát sinh nhiều năm không ai có thiện chí cải thiện vì tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng tiếp tục cuộc sống cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng ông D, bà H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Đức D.

[3]Xét về người trực tiếp nuôi con:

Vợ chồng ông Nguyễn Đức D, bà Đào Thị Thanh H có 02 con chung tên Nguyễn Đức T, sinh năm 1999 (đã trên 18 tuổi không yêu cầu giải quyết), Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày: 23/11/2003. Bà H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thanh Tr, con chung cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ, ông D đồng ý. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông D, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 ông Nguyễn Đức D phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 28, **k**hoản 4 Điều 147, điều 227, điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, điều 56, điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Đức D.

Ông Nguyễn Đức D được ly hôn với bà Đào Thị Thanh H.

2/Về người trực tiếp nuôi con:

Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung giữa bà H và ông D. Bà Đào Thị Thanh H có quyền nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh ngày: 23/11/2003.

Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì bà H không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ **Về án phí**:

Ông Nguyễn Đức D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0018522, ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang- Tháp Chàm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản sao án văn.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Rang-TC;
- THADS TP. Phan Rang-TC;
- Tòa án tỉnh Ninh Thuận;
-UBND phường ĐôVinh (ĐKKH 1999)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Anh Nga